

Bản án số: 217/2025/DS-PT

Ngày 06-5-2025

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Các Thẩm phán: 1. Ông Hồ Văn Cường;

2. Ông Phạm Văn Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 739/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 748/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: C, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Phúc T1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L – Luật sư Công ty L3; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Châu Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ B, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

2. Ông Châu Văn T2, sinh năm 1959; (chết ngày 31-01-2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2:

+ Bà Phạm Thị Bích P, sinh năm 1960; vắng mặt;

+ Ông Châu Văn K, sinh năm 1980; vắng mặt;

+ Châu Văn D, sinh năm 1982; vắng mặt;

+ Châu Văn P1, sinh năm 1987; vắng mặt;

+ Châu Thị Bích H1, sinh năm 1990; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số A, tổ A, ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Châu Văn T3, sinh năm 1961; địa chỉ: số B, ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

4. Ông Võ Phúc L1, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

5. Bà Đặng Thị Thúy P2, sinh năm 1976. Địa chỉ: số D, tổ A, ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

6. Bà Mai Thị T4, sinh năm 1966; địa chỉ: số G, tổ B, ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

7. Anh Châu Văn P3, sinh năm 1992; địa chỉ: số G, tổ B, ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

8. Anh Châu Văn V, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

9. Chị Châu Ngọc H2, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

10. Anh Châu Ngọc H3, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

11. Bà Nguyễn Thị P4, sinh năm 1966; địa chỉ: số B, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

12. Chị Châu Mộng T5, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

13. Anh Châu Anh N, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

14. Anh Trương Văn V1, sinh năm 1983; địa chỉ: số I, hẻm A, đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

15. Chị Nguyễn Thị Diễm T6, sinh năm 1988; địa chỉ: số I, hẻm A, đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

16. Anh Nguyễn Bá L2, sinh năm 1983, địa chỉ: số G, đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

17. Chị Đỗ Thị Cẩm H4, sinh năm 1985; địa chỉ: số G, đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

18. Anh Châu Văn G, sinh năm 1982, địa chỉ: A, ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Tạm trú: 246, ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; vắng mặt;

19. Chị Châu Mỹ A, sinh năm 1985; địa chỉ: A K, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Căn hộ C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Cha mẹ bà là ông Châu Văn Á (chết 1968), mẹ là Trần Thị Đ (chết 2021), cha mẹ có 06 người con gồm: Châu Văn Á (chết 2012, có vợ là Nguyễn Thị P4, có 02 người con gồm Châu Mộng T5, Châu Anh N và có 02 người con của vợ trước tên G và A); Châu Thị T, Châu Văn T2 (chết 2024, có vợ Phạm Thị Bích P và có 04 người con là Châu Văn K, Châu Văn D, Châu Văn P1, Châu Thị Bích H1); Châu Văn T3; Châu Văn P5 (chết 2016, có vợ Mai Thị T4 và 04 người con là Châu Văn P3, Châu Văn V, Châu Ngọc H2, Châu Ngọc H3); Châu Thị H. Ngoài ra bà Đ có chồng sau là ông Võ Văn T7 (chết 2009), ông T7 và bà Đ có 02 người con riêng là Võ Phúc T1, Võ Phúc L1.

Khi còn sống ông Á và bà Đình T8 ra nhiều tài sản nhưng đã phân chia cho các con, chỉ còn tài sản đang tranh chấp, cụ thể: Phần đất thổ cư diện tích 750m² (ngang 25 m x 30m), thửa 410, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp N, xã T, hiện Võ Phúc T1 đứng tên 20m ngang và đã bán, chỉ còn 05m ngang do bà Đ đứng tên. Trên đất có căn nhà chữ Đ1, cột cây gỗ, lợp ngói, vách ván nhà 03 gian diện tích khoảng 60m², nhưng ông T1 đã bán không còn. Một phần đất rẫy diện tích 3.000m², thửa 134, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp N, xã T, do bà Đ đứng tên nhưng hiện vợ chồng anh T1 đứng tên QSDĐ (viết tắt QSDĐ) và đang sử dụng. Ông Á và bà Đ chết không để lại di chúc, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Nay bà khởi kiện yêu cầu:

+ Huỷ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Nguyễn Bá L2, bà Đỗ Thị Cẩm H4 đối với phần đất diện tích 151,2m², thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, được công chứng tại Văn phòng C ngày 10-6-2022.

+ Huỷ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Trương Văn V1, bà Nguyễn Thị Diễm T6 đối với phần đất diện tích 179,4 m², thuộc thửa đất số 606, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, được công chứng tại Văn phòng C ngày 10-6-2022.

+ Huỷ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Nguyễn Bá L2, bà Đỗ Thị Cẩm H4 đối với phần đất diện tích 198,5 m², thuộc thửa đất số 607, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, được công chứng tại Văn phòng C ngày 10-6-2022.

Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 750m², thửa 410, tờ bản đồ số 7 và diện tích đất 3.000m², thửa 134, tờ bản đồ số 1; chia làm 8 phần, bà T yêu cầu nhận đất ở và đất rẫy.

Bị đơn ông Võ Phúc T1 trình bày: Ông thống nhất các hàng thừa kế như bà T trình bày là đúng 08 người con. Gia đình ông đất rất nhiều, những phần đất là tài sản chung với người cha trước thì không có giấy tờ đất, mẹ ông đã tặng

cho những người con với cha trước và họ đã tự đi làm giấy đất. Hiện phần đất bà T yêu cầu phân chia, diện tích 750m² phần đất này 25 m ngang, mẹ ông đã cho vợ chồng năm 2016 khoảng 19 m ngang; hiện ông đã chuyển nhượng cho anh L2 và anh V1 nên phần đất chỉ còn 5 m ngang do bà Đình mẹ ông vẫn đứng tên QSDĐ và ông đang giữ giấy chứng nhận. Phần diện tích đất 3.000m², bà T yêu cầu chia thì phần đất này bà Đ đứng tên trên một ha đất; sau đó phân chia và sang tên cho những người con khác, còn lại diện tích trên 7.000m²; vào năm 2012, bà Đ cho vợ chồng ông cụ thể là 3.002,3 m², vợ chồng ông được đứng tên và quản lý sử dụng đến nay; diện tích còn lại trên 4.000m², đến năm 2015 bà Đình T9 cho bà T, bà H và anh L2 mỗi người 1.000 m²; riêng ông P3 cho 1.717,7 m². Sau khi làm thủ tục cho những người này đứng tên QSDĐ thì mẹ ruột ông không còn đất rẫy nữa, nên không còn là di sản để phân chia.

Hiện tại chỉ còn 05 mét ngang hiện trạng đất trống, diện tích 152.5m², thửa số 410, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận QSDĐ bà Đ đứng tên cấp ngày 29-02-2016 ông đang giữ bản chính, ông đồng ý chia thừa kế đất này theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Châu Thị H trình bày: Bà thống nhất hàng thừa kế như bà T trình bày là đúng, bà được mẹ ruột cho 01 công đất vào năm 2015, đất tại ấp N, xã T. Năm 2016 bà sang nhượng cho người khác không còn. Ngoài ra, ông T1 cho rằng mẹ bà tặng cho bà 3.900m² là do bà mua với giá tiền 03 chỉ vàng, bà cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Bà thống nhất ý kiến của bà T yêu cầu chia di sản của cha mẹ bà theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị Thúy P2 trình bày: Bà là vợ của ông Võ Phúc T1, thống nhất ý kiến của chồng là ông T1, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Trương Văn V1, chị Nguyễn Thị Diễm T6 trình bày: Anh chị có mua diện tích đất 179,4 m², thửa đất số 606, tờ bản đồ số 7, tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh của vợ chồng ông T1, được công chứng tại Văn phòng C ngày 10-6-2022, hiện anh chị đã đứng tên QSDĐ, hiện trạng đất có hàng rào B40, yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất, trường hợp phải trả đất thì yêu cầu vợ chồng ông T1 phải thanh toán hoàn trả lại tiền đã bán đất và tài sản trên đất cho anh chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Châu Văn T3 trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T, về mối quan hệ huyết thống ông thống nhất với ý kiến của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Bá L2, chị Đỗ Thị Cẩm H4 trình bày: Anh chị có mua 01 phần đất của vợ chồng ông T1, diện tích 198,5 m², thuộc thửa đất số 607, tờ bản đồ số 7 và 01 phần đất diện tích 198,5 m², thuộc thửa đất số 607, tờ bản đồ số 7, đất tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, được công chứng tại Văn phòng C ngày 10-6-2022, do anh chị đã đứng tên QSDĐ, có làm hàng rào B40 trên đất, hiện trạng đất trống, yêu cầu tiếp tục

sử dụng đất. Trường hợp phải trả đất cho ông T1 thì yêu cầu vợ chồng ông T1 trả lại tiền và các chi phí trên đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Mai Thị T4 trình bày: Bà là vợ của ông Châu Văn P5 (chết 2016) có 04 người con, theo quy định ông P5 đã chết nếu được hưởng di sản theo pháp luật thì chia cho 04 người con của ông P5, bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Châu Văn V, Châu Ngọc H2, Châu Ngọc H3, Châu Văn P3, Châu Văn G, Châu Thị Mỹ A: không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Võ Phúc L1 trình bày: Việc phân chia đất của gia đình anh chị em ai cũng biết cũng được phân chia, anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Châu Anh N, chị Nguyễn Thị P4 trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, riêng Châu Mộng T5 không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Châu Văn K trình bày: Cha anh là Châu Văn T2 (chết 2024), mẹ là Phạm Thị Bích P, cha mẹ anh có 04 người con là Châu Văn D, Châu Văn P1, Châu Thị Bích H1 và anh là Châu Văn K. Ngoài ra cha mẹ anh không còn người con nào khác, cha anh là con của bà nội tên Trần Thị Đ (chết), ông nội tên Châu Văn Ấ (chết), cha anh đã chết, theo quy định cha anh được hưởng thì anh nhận, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Bích P, anh Châu Văn D, Châu Văn P1, Châu Thị Bích H1 (là vợ và con ông T2 (chết 2024): Được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định, nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến nên không có ý kiến trình bày.

Bản án sơ thẩm dân sự số 149/2024/DSST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T về tranh chấp “Thừa kế tài sản”.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy: hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Nguyễn Bá L2, bà Đỗ Thị Cẩm H4 đối với phần đất diện tích 151.2m², thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Phúc T1 bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Trương Văn V1, bà Nguyễn Thị Diễm T6 đối với phần đất diện tích 179.4m², thuộc thửa đất số 606 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Nguyễn Bá L2, bà Đỗ Thị Cẩm H4 đối với phần diện tích 198.5m², thuộc thửa đất số 607, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 3002,2m² và diện tích 529,1m².

3. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

Bà Châu Thị T được sở hữu, sử dụng diện tích đất 152,5m² (có ONT 100m², CLN 52,5m²), thửa số 410, tờ bản đồ số 7, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, cấp ngày 29-02-2016 do Trần Thị Đ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, giá trị 406.717.500 đồng, tứ cận phần đất: Đông giáp thửa 43, dài 30,91m; Tây giáp thửa 409, dài 30,62m; Nam giáp thửa 39, dài 5m; Bắc giáp đường đất 10m, dài 5m; hiện trạng đất trống (Có trích lục bản đồ địa chính số 1181 ngày 08/11/2023 kèm theo).

Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho chị Châu Mộng T5 và Châu Anh N, Châu Văn G và Châu Thị Mỹ A số tiền, tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản được hưởng).

Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho bà Phạm Thị Bích P, Châu Văn K, Châu Văn D, Châu Văn P1, Châu Thị Bích H1 số tiền tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản được hưởng).

Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho ông Châu Văn T3, bà Châu Thị H, ông Võ Phúc T1, ông Võ Phúc L1 mỗi người số tiền tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản mỗi người được hưởng).

Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho anh Châu Văn P3, anh Châu Văn V, Châu Ngọc H2 và Châu Ngọc H3 số tiền tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản được hưởng).

Bà T thực hiện việc kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 29-02-2016 cho cụ Trần Thị Đ đứng tên, ông T1 đang giữ giấy chứng nhận bản gốc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09-10-2024, bà Châu Thị T và bà Châu Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chia thừa kế toàn bộ diện tích đất 3.002,3m² và 529,1m² cùng căn nhà ngói 3 gian cho tất cả anh chị em nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị T và bà Châu Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của bà Châu Thị T và bà Châu Thị H là phù hợp theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Châu Thị T và bà Châu Thị H yêu cầu sửa án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chia thừa kế toàn bộ diện tích đất 3.000m² và 529,1m² cùng căn nhà ngôi 3 gian cho tất cả anh chị em nguyên đơn, nhận thấy:

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích còn lại là 529,1m² gồm các thửa 605, 606, 607; tờ bản đồ số 7 và đất rẫy diện tích 3.000m², thửa 134, bản đồ số 1, tọa lạc ấp N, xã T, thị xã H.

Về nguồn gốc đất tranh chấp, năm 1995 cụ Trần Thị Đ, được UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01002 cấp ngày 12-8-1995 diện tích 15.740m², nguồn gốc đất do khai phá. Ngày 19-4-2001 cụ Đ chuyển nhượng cho ông T2 3.900m²; ngày 10-5-2001 chuyển nhượng cho ông R, bà T10 diện tích 4.120m². Ngày 09-4-2012 cụ Đ ký hợp đồng tặng cho ông Võ Phúc T1 diện tích 3002,3m², ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01326 ngày 16-4-2012 (diện tích đất tranh chấp). Diện tích còn lại 4.717,7m² đến năm 2015 cụ Đ ký hợp đồng tặng bà Châu Thị T diện tích 1000m², bà Châu Thị H diện tích 1000m², ông Võ Phúc L1 diện tích 1000m², ông Châu Văn P5 diện tích 1.717,7m². Do đó, diện tích đất trên đã được cụ Đ định đoạt nên không còn là di sản; nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T về yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 3002,3m² nêu trên là phù hợp.

Xét nguồn gốc diện tích 529,1m² bà T tranh chấp với ông T1 (không được cấp sơ thẩm chấp nhận); theo bà T cho rằng đây là di sản thừa kế cụ Đ và cụ Á, nhận thấy: Năm 1995, cụ Đ kê khai nguồn gốc đất do đạo cấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02893, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, do UBND thị xã H (nay là thị xã H) cấp ngày 12-10-1996 cấp cho cụ Trần Thị Đ với diện tích 1.381m². Năm 2004 cụ Đ chuyển nhượng cho ông Châu Văn P5 diện tích 660m²; diện tích còn lại 721m² (diện tích thực tế 681,6m²). Năm 2009 cụ T6 chết; năm 2016 cụ Đ cùng ông T1 và ông L1 lập văn bản thỏa thuận phân chia cho cụ Đ diện tích 152,5m², phần còn lại cụ Đ để lại cho ông T1 được sử dụng diện tích 529,1m². Cụ Đ2 và ông T1 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016. Năm 2018, ông T1 cấp đổi giấy đất và cùng bà P đứng diện tích đất 529,1m², thửa 409, bản đồ số 7. Sau đó ông T1, bà P chuyển nhượng cho nhiều người; hiện không còn đất; nên diện tích đất 529,1m² này không phải là di sản thừa kế của cụ Đ2, bà T.

Riêng diện tích 152,5m², thửa 605, bản đồ số 7, cụ Đ2 vẫn đang đứng tên giấy đất nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, chia thừa kế diện tích đất này theo quy định của pháp luật. Do diện tích đất không đủ phân chia hiện vật là đất, nên giao toàn bộ diện tích đất này cho bà T quản lý sử dụng và bà T thanh toán lại giá trị đất cho các hàng thừa kế theo kỷ phần mà họ được hưởng là phù hợp.

Từ những căn cứ nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị T và bà Châu Thị H; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Châu Thị H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Riêng bà Châu Thị T được miễn án phí do người cao tuổi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Thị T và bà Châu Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 149/2024/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 165; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 457, Điều 459, Điều 612, Điều 620, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị T về tranh chấp “Thừa kế tài sản”.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Nguyễn Bá L2, bà Đỗ Thị Cẩm H4 đối với phần đất diện tích 151.2m², thuộc thửa đất số 605 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Phúc T1, bà Đặng Thị Thúy P2 với ông Nguyễn Bá L2, bà Đỗ Thị Cẩm H4 đối với phần đất diện tích 198.5m², thuộc thửa đất số 607, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

3.3. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích $3002,3\text{m}^2$ và diện tích $529,1\text{m}^2$.

3.4. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

+ Bà Châu Thị T được sở hữu, sử dụng diện tích đất $152,5\text{m}^2$ (có ONT 100m^2 , CLN $52,5\text{m}^2$), thửa số 410, tờ bản đồ số 7, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, cấp ngày 29-02-2016 do Trần Thị Đ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, giá trị 406.717.500 đồng, tứ cận phần đất:

Đông giáp thửa 43, dài 30,91m;

Tây giáp thửa 409, dài 30,62m;

Nam giáp thửa 39, dài 5m;

Bắc giáp đường đất 10m, dài 5m; hiện trạng đất trống.

(Có trích lục bản đồ địa chính số 1181 ngày 08-11-2023 kèm theo).

+ Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho chị Châu Mộng T5, Châu Anh N, Châu Văn G và Châu Thị Mỹ A số tiền, tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản được hưởng).

+ Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho bà Phạm Thị Bích P, Châu Văn K, Châu Văn D, Châu Văn P1, Châu Thị Bích H1 số tiền tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản được hưởng).

+ Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho ông Châu Văn T3, bà Châu Thị H, ông Võ Phúc T1, ông Võ Phúc L1 mỗi người số tiền tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản mỗi người được hưởng).

+ Bà Châu Thị T có trách nhiệm giao cho anh Châu Văn P3, anh Châu Văn V, Châu Ngọc H2 và Châu Ngọc H3 số tiền tính tròn số 50.840.000 đồng (giá trị phần di sản được hưởng).

+ Bà T thực hiện việc kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

+ Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 29-02-2016 cho cụ Trần Thị Đ đứng tên, ông T1 đang giữ giấy chứng nhận bản gốc.

3.5. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản số tiền 4.215.000 đồng, bà T đã tạm ứng chi xong, bà T phải chịu và các thừa kế được hưởng di sản phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T và được tính tròn số, cụ thể:

+ Bà Châu Thị T phải chịu 2.395.000 đồng, đã nộp chi xong.

+ Ông Châu Văn T3, bà Châu Thị H, ông Võ Phúc T1, ông Võ Phúc L1 mỗi người phải chịu 260.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T.

+ Bà Phạm Thị Bích P, anh Châu Văn K, anh Châu Văn D, anh Châu Văn P1 và chị Châu Thị Bích H1 cùng liên đới phải chịu 260.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T.

+ Chị Châu Mộng T5, anh Châu Anh N, anh Châu Văn G và chị Châu Thị Mỹ A cùng liên đới phải chịu 260.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T

+ Anh Châu Văn P3, anh Châu Văn V, Châu Ngọc H2 và Châu Ngọc H3 cùng liên đới phải chịu 260.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T

3.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Châu Thị T, ông Châu Văn T3 thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Châu Thị H, ông Võ Phúc T1, ông Võ Phúc L1 mỗi người phải chịu 2.542.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Châu Mộng T5, anh Châu Anh N, anh Châu Văn G và chị Châu Thị Mỹ A cùng liên đới phải chịu 2.542.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị Bích P, anh Châu Văn K, anh Châu Văn D, anh Châu Văn P1 và chị Châu Thị Bích H1 cùng liên đới phải chịu 2.542.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Châu Văn P3, anh Châu Văn V, Châu Ngọc H2 và Châu Ngọc H3 cùng liên đới phải chịu 2.542.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Châu Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011651 ngày 18-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Châu Thị T được miễn án phí phúc thẩm.

3.8. Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), mà người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Hoà Thành;
- CCTHADS thị xã Hoà Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn